

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/DSST**

Ngày: 20/4/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ ông Trần Đức Hòa;

2/ bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 và ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLST – DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST – DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: ông Trương Đ, sinh năm: 1958

bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1961

Cư trú tại: thôn 2, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Quốc T, sinh năm: 1995

Cư trú tại: tổ 7, ấp L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: ông Trần Xuân Tr, sinh năm: 1981

bà Lê Thị Thuỳ M, sinh năm: 1979

Cư trú tại: thôn 02, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Ngọc Bình D, sinh năm: 1995

Cư trú tại: khu phố 1, p. T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước

(Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022 của nguyên đơn ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Quốc Tuấn trình bày: Ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N và vợ chồng ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 29/8/2020 vợ chồng ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M có vay của ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) để đầu tư kinh doanh. Khi vay không có thế chấp tài sản. Các bên thỏa thuận thời gian trả là 01 năm kể từ ngày 29/8/2020. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Việc vay tiền có lập thành văn bản có tiêu đề “giấy vay tiền”, ông Trần Xuân Tr có ký nhận. Đến thời hạn trả tiền, ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N nhiều lần yêu cầu ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M trả nhưng ông bà cứ khuất lẩn. Nay, ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M trả tiền vay 2.000.000.000đ và tiền lãi từ ngày 29/8/2020 cho đến ngày xét xử với lãi suất 2%/ tháng. Ngoài ra, ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Quốc T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông Hoàng Quốc T thừa nhận khi thỏa thuận vay tiền, nhận tiền thì chỉ có mình ông Trần Xuân Tr tham gia, ông xác định số tiền vay là nợ riêng của ông Trần Xuân Tr nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Xuân Tr trả tiền vay 2.000.000.000đ và thay đổi mức lãi, cụ thể yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 29/8/2020 cho đến ngày xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Xuân Tr trả tiền vay 2.000.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Ngô Ngọc Bình D (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Ngọc Bình D.

[2] Xét: Ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M yêu cầu trả số tiền vay 2.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N cung cấp tờ giấy có nội dung vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M cư trú tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình

Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M được xác lập ngày 29/8/2020. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo nội dung đơn khởi kiện thì ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Xuân Tr, bà Lê Thị Thuỳ M trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 2%/ tháng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền xác định số tiền vay của ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N là nợ riêng của ông Trần Xuân Tr nên người đại diện theo ủy quyền thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Xuân Tr trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày xét xử. Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu”*. Xét thấy, yêu cầu thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ông Trần Xuân Tr trả số tiền vay 2.000.000.000đ:

Ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N khai nhận ngày 29/8/2020 ông bà có cho ông Trần Xuân Tr vay số tiền 2.000.000.000đ. Việc vay tiền có làm giấy tờ có tiêu đề “giấy vay tiền” và nội dung giấy vay tiền do ông Trần Xuân Tr viết và ký nhận. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung giấy vay tiền lập ngày 29/8/2020 đã được giao nộp cho Tòa án. Như vậy, đủ cơ sở xác định việc ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N cho ông Trần Xuân Tr vay số tiền 2.000.000.000đ là có thật.

Trong giấy vay tiền lập ngày 29/8/2020 có ghi nhận: *“Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2021”*. Như vậy, thời hạn ông Trần Xuân Tr phải trả tiền vay cho ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N chậm nhất là ngày 29/8/2021. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu ông Trần Xuân Tr trả số tiền vay 2.000.000.000đ là có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Theo nội dung của giấy vay tiền lập ngày 29/8/2020 ghi nhận: *“Lãi suất 2% mỗi tháng; Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2021”*. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Xuân Tr là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay*

phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Như vậy, yêu cầu của ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu ông Trần Xuân Tr trả tiền lãi có căn cứ chấp nhận.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".* Xét lãi suất mà các bên thỏa thuận là 2%/ tháng đã vượt quá lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, mức lãi suất được áp dụng là 1,66%/ tháng. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau:

Đối với tiền lãi trong hạn: Từ ngày 29/8/2020 đến ngày 29/8/2021 là 12 tháng $\times 1,66\% / \text{tháng} \times 2.000.000.000\text{đ} = 398.400.000\text{đ}$.

Đối với tiền lãi quá hạn: Từ ngày 30/8/2021 đến ngày 20/4/2023 (ngày tuyên án) là 17 tháng 20 ngày $\times 1,66\% / \text{tháng} \times 150\% \times 2.000.000.000\text{đ} = 979.400.000\text{đ}$.

Như vậy, số tiền vay và tiền lãi ông Trần Xuân Tr phải trả cho ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N tổng cộng là $2.000.000.000\text{đ} + 1.377.800.000\text{đ} = 3.377.800.000\text{đ}$.

[7] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, bị đơn ông Trần Xuân Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bị đơn ông Trần Xuân Tr trả cho nguyên đơn ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị Kim N số tiền vay là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 1.377.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: 3.377.800.000đ đồng (ba tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

2/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Xuân Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 99.556.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2023). Đương sự vắng mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh